Sắp xếp lại các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước: việc làm không thể trì hoãn

PHẠM THANH THỦY

Tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước đã được thực hiện từ trên 20 năm nay với việc chuyển đổi, sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Để tạo điều kiện thúc đẩy tích tụ và tập trung, nâng cao khả năng cạnh tranh và tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, nâng cao hiệu quả của nền kinh tế, ngày 7-3-1994, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 91-TTg thí điểm thành lập tập đoàn kinh doanh. Các tập đoàn kinh tế nhà nước được hưởng vị thế độc quyền và ưu đãi đặc biệt thì sẽ phải đạt hiệu quả sản xuất và kinh doanh cao hơn các doanh nghiệp khác, nhưng kết quả thì ngược lại. Vậy đâu là nguyên nhân của những yếu kém và bất cập của các doanh nghiệp nhà nước hiện nay? Những giải pháp để tăng hiệu quả của việc tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước có thể đưa ra là gì? Đó chính là nội dung mà bài viết muốn đề cập tới.

1. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước: bức tranh ảm đạm

Báo cáo tại Hội nghị Chính phủ với tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước sáng ngày 16-1-2013, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư, ông Bùi Quang Vinh cho biết: tính đến hết năm 2012, tổng vốn điều lệ của 73 tập đoàn và tổng công ty là 568.663 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu là 791.898 tỷ đồng, tổng tài sản gần 1,65 triệu tỷ đồng. Cũng tại hội nghị này, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Phó Trưởng ban thường trực Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp, ông Phạm Viết Muôn cho biết: trong năm 2012, tổng doanh thu các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đạt trên 1,621 triệu tỷ đồng (bằng 92% so với kế hoạch năm), tổng lợi nhuận trước thuế đạt 127.510 tỷ đồng (giảm 5% so với thực hiện năm 2011), tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu bình quân đạt 17,4%.

Tuy nhiên, tình hình tài chính của không ít tập đoàn, tổng công ty là thiếu lành mạnh: có tổng công ty không bảo toàn được vốn chủ sở hữu do kinh doanh thua lỗ, gặp nhiều rủi ro, không tự chủ được về tài chính; có tổng công ty tỷ lệ vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn rất thấp. Báo cáo tài chính hợp nhất toàn tập đoàn, tổng công ty nhà nước cho biết, tổng lỗ phát sinh năm 2012 khoảng 2.253 tỷ đồng. Trong đó, một số tập đoàn, tổng công ty năm 2011 bị lỗ và đến 2012 lại tiếp tục lỗ. Tính đến hết năm 2012, có 10 tập đoàn, tổng công ty có lỗ lũy kế với tổng số khoảng 17.730 tỷ đồng.

Một số công ty mẹ có số nợ nước ngoài lớn được liệt kê ra gồm: Công ty mẹ EVN, Tổng công ty Hàng không, Tổng công ty Phát triển đường cao tốc. Trong số tổng nợ phải thu là 326.556 tỷ đồng (tăng 10% so với năm 2011 và chiếm 15% tổng tài sản) thì số nợ phải thu khó đòi là 5.280 tỷ đồng, bằng 1,64% tổng số nợ phải thu. Nợ nước ngoài của các công ty mẹ tổng công ty, tập đoàn trong năm vừa rồi lên tới 158.865 tỷ đồng (chiếm 21,5% tổng nợ phải trả) tăng 11% so với năm 2011. Những doanh nghiệp có nợ phải thu khó đòi ở mức cao chủ yếu nằm trong lĩnh vực xây dựng.

Báo cáo của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Bộ Kế hoạch và đầu tư, cho thấy doanh nghiệp nhà nước hiện chiếm tới 70% vốn đầu tư toàn xã hội, 50% vốn đầu tư Nhà nước, 60% tín dụng, 70% tổng nợ khó đòi của các ngân hàng thương mại và 70% vốn ODA ... Các tập đoàn kinh tế hiện nắm giữ 30% tổng giá trị tài sản, 51% tổng số vốn chủ sở hữu và gần 40% lao động của khối doanh nghiệp

Phạm Thanh Thủy, TS., Học viện Ngân hàng.

nhà nước. Hầu hết tập đoàn kinh tế nhà nước đều chiếm lĩnh vị trí thống lĩnh ở những ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Còn theo số liệu của AFP đưa ra, doanh nghiệp nhà nước chiếm 45% vốn đầu tư, 60% vốn vay từ ngân hàng thương mại, 70% tiền tài trợ phát triển và chiếm 70% nền kinh tế. Tuy nhiên, khu vực này chỉ đóng góp 30% tăng trưởng GDP. Bên cạnh đó, khối doanh nghiệp nhà nước còn chịu trách nhiệm cho khối nợ 61 tỷ USD, bằng một nửa số nợ công của Việt Nam hiện tại.

Những số liệu trên đây cho thấy thực trạng đáng buồn của các "quả đấm thép" với vai trò chủ đạo đối với nền kinh tế. Các tập đoàn kinh tế nhà nước được hưởng vị thế độc quyền, được ưu đãi đặc biệt nên lẽ ra hiệu quả sản xuất, kinh doanh phải cao hơn các doanh nghiệp khác, nhưng kết quả thì ngược lại. Theo Vụ đổi mới doanh nghiệp, Văn phòng Chính phủ: hàng năm khu vực kinh tế nhà nước, mà nòng cốt là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và doanh nghiệp nhà nước, chỉ đóng góp khoảng 35% GDP của cả nước, tạo ra 39,5% giá trị sản lượng công nghiệp, trên 50% kim ngạch xuất khẩu và 28,8% tổng thu nội địa (không kể thu từ dầu thô và thuế xuất nhập khẩu).

2. Nguyên nhân

Tái cấu trúc doanh nghiệp Nhà nước không có gì mới, nó đã được thực hiện từ trên 20 năm nay với việc chuyển đổi, sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Ngày 20-11-1991, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Nghị định số 388/HĐBT về thành lập và giải thể doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, kết quả thực tiễn lại cho thấy rằng dù rất quyết liệt nhưng chúng ta không hoàn thành kế hoạch đề ra, chậm tiến độ và tốc độ ngày càng chậm lại, nhất là khi động chạm đến những doanh nghiệp nhà nước lớn; từ hơn 12 nghìn doanh nghiệp nhà nước, giảm xuống còn gần 6000 doanh nghiệp.

Để tạo điều kiện thúc đẩy tích tụ và tập trung, nâng cao khả năng cạnh tranh, thực hiện chủ trương xóa bỏ dần chế độ bộ chủ quản, cấp hành chính chủ quản, sự phân biệt doanh nghiệp trung ương, doanh nghiệp địa phương và tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước đối với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, nâng cao hiệu quả của nền kinh tế; ngày 7-3-1994, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 91-TTg về việc thí điểm thành lập tập đoàn kinh doanh ở một số bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật và thành phố Hồ Chí Minh. Việc thành lập tập đoàn phải đảm bảo vừa hạn chế độc quyền vừa hạn chế cạnh tranh bừa bãi. Theo Quyết định này đã thành lập 17 tổng công ty 91, quy định rằng đến cuối năm 1995 sẽ tiến hành tổng kết việc làm thí điểm. Nhưng cho đến nay vẫn chưa có dịp tổng kết việc thí điểm nào, nghĩa là tất cả các tập đoàn kinh tế Nhà nước hiện nay đều đang trong giai đoạn thí điểm. Về nguyên tắc thí điểm thì có thể thành công hay thất bại nên phạm vi thí điểm phải hẹp, sau một thời gian phải tổng kết, nếu khẳng định thành công thì mới triển khai trên diện rộng.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3 (khoá IX) đã chỉ rõ: "Hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh trên cơ sở các tổng công ty nhà nước, có sự tham gia của các thành phần kinh tế, kinh doanh đa ngành, trong đó có ngành kinh doanh chính, chuyên môn hoá cao và giữ vai trò chi phối lớn trong nền kinh tế quốc dân, có quy mô rất lớn về vốn, hoạt động cả trong và ngoài nước, có trình độ công nghệ cao và quản lý hiện đại, có sự gắn kết trực tiếp, chặt chẽ giữa khoa học công nghệ, đào tạo, nghiên cứu triển khai với sản xuất kinh doanh." Có được bảo bối nên chỉ trong hai năm (2005 - 2007) liên tiếp 8 tập đoàn kinh tế đã được thành lập. Đến năm 2009, ngay cả khi Vinashin bắt đầu đổ vỡ trong khi chưa có tổng kết thí điểm vẫn có thêm 4 tập đoàn mới được thành lập. Cả nước hiện nay có 101 tập đoàn, tổng công ty và 2 ngân hàng thương mại do Nhà nước giữ 100% vốn. Một số tập đoàn, tổng công ty có rất nhiều doanh nghiệp như: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (có 250 doanh nghiệp), Tập đoàn Cao su Việt Nam (có 163 doanh nghiệp), Tập đoàn Viễn thông (có 85 doanh nghiệp), Tập đoàn Công nghiệp than - khoáng

sản (có 70 doanh nghiệp), Tập đoàn Dệt may (có 60 doanh nghiệp)... Như vậy, chúng ta mới chỉ sắp xếp lại được những doanh nghiệp vừa và nhỏ, chưa đụng chạm gì đến các doanh nghiệp lớn.

Trong Quyết định số 91/TTg ngày 7-3-1994 của Thủ tướng Chính phủ có ghi: "Việc thành lập tập đoàn phải đảm bảo vừa hạn chế độc quyền vừa hạn chế cạnh tranh bừa bãi". Tháng 11-2008 trong Hội nghị Sơ kết thí điểm mô hình tập đoàn kinh tế của Bộ Công thương với 4 tập đoàn: Công nghiệp than-khoáng sản, Dầu khí, Điện lực, Dệt may Việt Nam, Bộ trưởng Vũ Huy Hoàng đã cảnh báo: "Hoạt động của một số tập đoàn hiện nay mang tính độc quyền, chưa phù hợp với cơ chế cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường. Bên cạnh đó, việc mở rộng đa ngành, đa nghề ra nhiều lĩnh vực không phải sở trường như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bất động sản, viễn thông... đã phần nào làm giảm năng lực và sự tập trung nguồn lực của các tập đoàn vào lĩnh vực chính". Sự đổ vỡ của Vinashin, Vinalines và một số tập đoàn, tổng công ty khác có nguyên nhân là không chú ý đến lời cảnh báo này[1]. Chẳng hạn, Tập đoàn Công nghiệp than-khoáng sản Việt Nam đã mở rộng các lĩnh vực có liên quan như đầu tư xây dựng các nhà máy nhiệt điện đốt than; vật liệu nổ công nghiệp; sản xuất, lắp ráp các thiết bị khai thác mỏ, ô tô vận tải; sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng... Các tập đoàn lớn của Nhà nước lũng đoạn những lĩnh vực chính trong đó có dầu khí, điện, đóng tàu, xăng dầu và các tập đoàn khác. Ngoài ra còn có 96 tổng công ty nhà nước với hàng nghìn các công ty con.

Những yếu kém và bất cập của doanh nghiệp nhà nước được thể hiện ở các vấn đề sau:

Thứ nhất, hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước còn hạn chế.

Theo Bloomberg, Tập đoàn Công nghiệp than-khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) là một trường hợp điển hình cho mô hình tập đoàn, tổng công ty nhà nước tại Việt Nam trước yêu cầu tái cơ cấu. Với 140.000 nhân viên, Vinacomin có nhiều lao động hơn cả hai hãng khai khoáng hàng đầu thế giới là BHP Billiton và Rio Tinto cộng lại, nhưng chỉ kiếm được số tiền bằng khoảng 3% doanh thu của 2 hãng trên. Cả năm 2012, Vinacomin chỉ tạo được doanh thu 4 tỷ USD, trong khi con số tổng doanh thu của BHP Billiton và Rio Tinto là 123 tỷ USD.

Các doanh nghiệp nhà nước chỉ đóng góp khoảng 26% cho GDP trong khoảng thời gian từ năm 2006-2010, so với 43% đóng góp từ doanh nghiệp tư doanh. Doanh nghiệp nhà nước phải sử dụng tới 2,2 đồng vốn để tạo ra 1 đồng doanh thu năm 2009, trong khi đó doanh nghiệp ngoài quốc doanh chỉ cần 1,2 đồng vốn và doanh nghiệp FDI là 1,3 đồng. Hệ số ICOR (chỉ số đo lường số đơn vị vốn) cần tăng thêm để tạo ra một một đơn vị sản lượng. Theo báo cáo cạnh tranh của Viện Cạnh tranh Châu Á: chỉ số ICOR của Việt Nam giai đoạn 2006 - 2008 là 5,3[2], giai đoạn 2011 - 2012 đã lên đến 7,5. Một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước có nhiều lợi thế kinh doanh, đạt tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu cao. Nhưng trong 10 năm qua, tỷ suất lợi nhuận trên tổng nguồn vốn của khu vực doanh nghiệp nhà nước chưa năm nào vượt quá 6%, trong khi các doanh nghiệp FDI luôn duy trì ở mức trên dưới 10%.

Thứ hai, chúng ta ra nhiều nghị quyết, chỉ thị, thông tư nhưng không chấp hành nghiêm chỉnh. Tại Quyết định 929/QĐ-TTg (ngày 17-7-2012), Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt đề án "Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015". Sau khi đề án được phê duyệt, các bộ, ngành, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty đã xây dựng cơ chế chính sách và đề án tái cơ cấu cho từng doanh nghiệp.

1."Hiện tượng Vinashin và vấn đề các tập đoàn kinh tế nhà nước", Kỷ yếu Hội thảo, Trường đại học Kinh doanh và công nghệ Hà Nội, 29-12-2010.

2. Đây là con số cao hơn hẳn so với các nước và khu vực nền công nghiệp mới trong đầu thời kỳ tăng trưởng kinh tế 1961 - 1980. Theo đó hệ số ICOR của Hàn Quốc là 3, Đài Loan là 2,7. Thái Lan giai đoạn 1981 - 1995 là 4,1.

Đến cuối năm 2012, cả nước có 75 tập đoàn, tổng công ty hoàn thành xây dựng đề án tái cơ cấu, trong đó 45 đơn vị đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên cho đến nay (tháng 3-2013) vẫn chưa thực hiện được. Ví dụ như: Vinashin phải tái cấu trúc với 216 công ty con, 16 đơn vị thỏa thuận với công ty mua bán nợ để thực hiện cổ phần hóa, mua bán nợ nhưng chưa làm được đơn vị nào; trong số 43 doanh nghiệp có kế hoạch cổ phần hóa 13 công ty mẹ và 12 công ty con thuộc tập đoàn cũng chưa làm được đơn vị nào. Năm 2012 chỉ triển khai được 2 doanh nghiệp trên toàn Hà Nội (cổ phần hóa 1 doanh nghiệp và sắp xếp lại 1 doanh nghiệp)[3].

Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một nội dung quan trọng của tái cấu trúc. Tuy đã được khởi động từ năm 1992, đẩy mạnh vào năm 2001, nhưng theo con số thống kê, đến hết năm 2011 trên địa bàn cả nước mới cổ phần hóa được 4.000 doanh nghiệp, góp phần cơ bản vào việc sắp xếp doanh nghiệp nhà nước từ chỗ 12.000 doanh nghiệp nay chỉ còn 6.000 doanh nghiệp. Đặc biệt từ năm 2011 đến nay tình hình cổ phần hóa chậm hẳn lại. Trong năm 2011, cả nước chỉ cổ phần hóa được 60 doanh nghiệp. Kế hoạch năm 2012 cổ phần hóa 93 doanh nghiệp đã không hoàn thành. Có những trường hợp việc cổ phần hóa diễn ra rất chậm, điển hình là Công ty Đầu tư xây dựng số 2 Hà Nội (Hacinco) được UBND thành phố Hà Nội cho phép cổ phần hoá từ ngày 29-10-2004. Trong quá trình cổ phần hóa, công ty được Chi cục Tài chính doanh nghiệp Hà Nội chỉ đạo, Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt tư vấn hướng dẫn. Tổng số tiền công ty đã thu được từ bán cổ phiếu năm 2005 là gần 40 tỷ đồng. Nhưng cho đến nay công việc cổ phần hóa tại công ty này vẫn chưa làm xong.

Thứ ba, đã có sự nhầm lẫn giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng. Một thành tựu cao nhất của khoa học quản lý và của kinh tế thị trường là sự tách biệt giữa quyền sở hữu và quyền quản lý. Chính sự tách biệt này đã hạn chế việc vừa đánh trống vừa thổi còi.

Các tập đoàn kinh tế (tổng công ty 91) là pháp nhân kinh tế do Nhà nước thành lập, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định thành lập, bổ nhiệm Hội đồng quản trị, phê duyệt Điều lệ hoạt động. Tức là Thủ tướng vừa là chủ sở hữu vừa là nhà quản lý. Gần đây đã có sự điều chỉnh quyền đối với tập đoàn, tổng công ty, do đó Thủ tướng trực tiếp thực hiện 4 quyền quan trọng của chủ sở hữu, chủ yếu liên quan đến những quyết sách mang tính chiến lược phát triển dài hạn: quyết định thành lập; tổ chức lại mức vốn điều lệ, thay đổi vốn điều lệ; bổ nhiệm chủ tịch Hội đồng thành viên; phê duyệt chiến lược kế hoạch sản xuất và kế hoạch đầu tư 5 năm... Tuy số lượng các doanh nghiệp do Thủ tướng trực tiếp thực hiện quyền chủ sở hữu đã giảm (từ 21 tập đoàn, tổng công ty xuống còn 9 tập đoàn và 1 tổng công ty) nhưng vẫn còn nắm giữ những doanh nghiệp chủ chốt, có tính độc quyền cao. Đó là các tập đoàn: Điện lực, Dầu khí, Công nghiệp than-khoáng sản, Bưu chính - Viễn thông, Công nghiệp tàu thủy, Dệt may, Viễn thông quân đội, Hóa chất, Cao su và Tổng công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước. Có lẽ, chỉ có nước ta mới có tình trạng Thủ tướng trực tiếp thực hiện quyền chủ sở hữu của doanh nghiệp. Phải chăng đây là sự bao biện, lấn sân, làm cho Thủ tướng mất nhiều thời gian và trí lực quản lý những tổ chức này. Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm đã nhận định: "Năm 2010 điều hành của Chính phủ có nhiều lúng túng, đặc biệt là vấn đề quản lý tập đoàn nhà nước mà Vinashin là bài học rất sâu sắc. Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến đổ vỡ của Vinashin là do chúng ta lúng lúng về cơ chế quản lý tập đoàn nhà nước, trong đó lúng túng mãi về cơ chế điều hành giữa Chính phủ và bộ chủ quản"[4].

Thứ tư, ở Việt Nam, đã có thời kỳ nhận được sự chỉ đạo phát triển kinh tế quốc doanh theo mô hình của Hàn Quốc trong khi chưa có sự nghiên cứu sâu sắc về mô hình này. Do đó, không có gì lạ khi sự phát triển của các tập đoàn, tổng công ty lớn nhà nước có nhiều điểm giống với các chaebol Hàn Quốc những

3. "Kinh tế và đô thị" số 67 ngày 27-3-2013.

4. Thời báo Kinh tế Việt Nam, số 254, ngày 23-10-2010.

năm 1960 - 1980 (dưới thời cố tổng thống Park Chung Hee) và không ít tập đoàn đang đứng trước những vấn đề cấp bách cần phải giải quyết về hiệu quả kinh doanh và quản lý.

Các chaebol của Hàn Quốc có gốc gác là các chủ tư nhân kiêm quản trị viên (owner - manager) đi lên từ tay trắng, dùng tiền của mình và kinh doanh thành công. Doanh nghiệp hoạt động hữu hiệu và hiệu quả theo các nguyên tắc quản trị doanh nghiệp là "đồng tiền đi liền khúc ruột". Đây là sự khác biệt cơ bản giữa các chaebol của Hàn quốc với các tập đoàn, tổng công ty tại Việt Nam. Tập đoàn nhà nước của Việt Nam trực thuộc Nhà nước, không ra đời qua quá trình tích tụ vốn mà từ những quyết định hành chính với "hy vọng" sẽ thành công. Được sự hỗ trợ của Chính phủ, các chaebol đã có thể phát triển thành các tập đoàn tầm cỡ thế giới. Sự hợp tác chính phủ - chaebol đã đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế và những thành công đáng kinh ngạc của Hàn Quốc đầu những năm 1960. Không ai có thể phủ nhận rằng chaebol đã giúp phát triển kinh tế Hàn Quốc. Tuy nhiên, chính các chaebol đã bị coi là nguyên nhân của cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ tồi tệ nhất năm 1997 tại Hàn Quốc.

3. Một số kiến nghị

Thứ nhất, cần tái cơ cấu, tổ chức lại cách quản lý tất cả các tổng công ty và tập đoàn kinh tế nhà nước. Cụ thể như: tập trung vào ngành nghề chuyên môn nhằm gia tăng tính cạnh tranh ở mức độ toàn cầu, tạo cho họ cơ hội phát triển và cạnh tranh như các tổ chức kinh tế khác để họ thành công; không đầu tư tràn lan ra ngoài các lĩnh vực ít có liên quan đến ngành nghề chuyên môn; tăng cường vai trò giám sát và kiểm soát về phía các cơ quan nhà nước một cách thực chất và cụ thể đối với các tổng công ty và tập đoàn kinh tế không phân biệt chế độ sở hữu; cần kiểm soát chặt chẽ sự bành trướng các công ty con của tập đoàn quốc doanh, chừng nào mà việc mở rộng công ty còn tùy thuộc rất nhiều vào việc được chính quyền cấp đất với giá rẻ.

Thứ hai, không nên đặt vấn đề vai trò chủ đạo, then chốt của doanh nghiệp nhà nước hay kinh tế nhà nước trong nền kinh tế nước ta. Loại hình doanh nghiệp nào là đầu tầu phụ thuộc vào chiến lược phát triển, năng lực của doanh nghiệp, đặc biệt là người lãnh đạo doanh nghiệp và hiệu quả kinh tế xã hội mà nó mang lại.

Thứ ba, chức năng của Nhà nước (Chính phủ) là: điều tiết vĩ mô nền kinh tế thông qua sử dụng các công cụ điều tiết; không điều hành quá trình kinh tế cụ thể; tập trung thực hiện chức năng ổn định kinh tế vĩ mô; bảo đảm dịch vụ công. Chính phủ (Thủ tướng Chính phủ) cần có sự hỗ trợ cần thiết cho các doanh nghiệp lớn để nó đủ sức tự vươn lên trong cuộc cạnh tranh quốc tế, không nên trao cơ chế độc quyền hay những ưu đãi đặc biệt của Chính phủ cho các doanh nghiệp nhà nước; không nên là đại diện chủ sở hữu cũng như can thiệp vào sự quản lý của các tập đoàn kinh tế và tổng công ty như đã từng làm cho đến nay.

Thứ tư, trong nền kinh tế thị trường không phải mọi doanh nghiệp đều sống sót, sẽ có những doanh nghiệp mới tham gia vào thị trường và những doanh nghiệp ra đi. Trên thế giới không có nhiều doanh nghiệp tồn tại sau 5 đến 10 năm trong nền kinh tế cạnh tranh. Vì vậy, sẽ không cần thiết khi đặt mục tiêu tất cả các doanh nghiệp nhà nước đều phải sống sót, chỉ cần 5-10% tồn tại và tiếp tục phát triển đã là chấp nhận được. Không nên quá ưu ái bơm tiền vào những doanh nghiệp đã không dưới một lần làm ăn thua lỗ, không hoàn thành nhiệm vụ được giao, mắc nợ đầm đìa, mất khả năng thanh toán..., mà nên dùng những ưu đãi đó cho những doanh nghiệp đang hoạt động có hiệu quả, đóng góp nhiều cho phát triển kinh tế - xã hội cho dù doanh nghiệp đó thuộc bất cứ thành phần kinh tế nào./.